

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2025/DS-PT
Ngày 17 tháng 3 năm 2025
V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu di dời nhà trả lại đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tấn Tài

Các thẩm phán: Ông Hoàng Ngọc Linh và ông Nguyễn Phước Hưng.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ngọc Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Phước – Kiểm sát viên

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2025, tại Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2025/TLPT-DS ngày 05 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất; di dời nhà trả lại đất*”.

Do Bản án sơ thẩm số 580/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang bị ông Huỳnh Trường A kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 51/2025/QĐ-PT ngày 13 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1. Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ A, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang (có mặt)

2. Ông Huỳnh Văn L, sinh năm: 1968, nơi cư trú: Tổ A, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang (có mặt)

3. Ông Huỳnh Văn T1, sinh năm: 1971, nơi cư trú: Tổ A, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Văn L và ông Huỳnh Văn T1: Huỳnh Văn T, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ A, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang (Theo Giấy ủy quyền ngày 18/7/2022) (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ A, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị L1: Ông Huỳnh Trường A, sinh năm: 1987; nơi cư trú: Tổ A, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang (Theo Giấy ủy quyền ngày 15/10/2024) (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Văn N, sinh năm: 1963; nơi cư trú: Tổ A, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang (có mặt).

2. Ông Huỳnh Trường A, sinh năm: 1987; nơi cư trú: Tổ A, khóm T, thị trấn L, huyện A, tỉnh An Giang (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ cấp sơ thẩm thể hiện:

Nguồn gốc phân đất tranh chấp là của các cụ Huỳnh Văn C, sinh năm 1930 (chết 2017) và cụ Nguyễn Thị L2 sinh năm 1932 (chết 2006). Cụ C và cụ L2 có 05 người con gồm bà Huỳnh Thị H, ông Huỳnh Văn N, ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn L, ông Huỳnh Văn T1. Khi còn sống cụ C và cụ L2 đã chia phần đất chiều ngang 11m, chiều dài giáp sông B khoảng 230m² cho các con, theo đó ông Huỳnh Văn T1 được cụ C cho phần đất có diện tích 1.800 m², phần đất này ông T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đây là phần đất phía trong đường. Còn phần đất giáp với sông B đất bãi bồi còn lại khoảng 700 m², trên phần đất này ông N đã được cụ C chia phần đất diện tích khoảng 100m² hiện đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Phần còn lại chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bao gồm luôn phần đất hiện đang tranh chấp với bà L1. Vào năm 2002, do thấy hoàn cảnh vợ chồng ông Huỳnh Văn S và bà Nguyễn Thị L1 khó khăn không có chỗ ở nên ông C cho cất nhà ở tạm trên đất bãi bồi. Đến năm 2004, Nhà nước tiến hành thực hiện xây dựng khu dân cư ở ấp B (khóm T), xã K để xét cấp cho những hộ có hoàn cảnh khó khăn, không có đất ở. Trong đó gia đình ông Huỳnh Văn S và bà Nguyễn Thị L1 được cấp 01 nền nhà ở lô E khu dân cư Á theo quyết định số 76 ngày 10/01/2007 của UBND huyện A nhưng gia đình không ở, khi ông S chết thì bà L1 bán nền đất đó đi và tiếp tục sống trên phần đất của gia đình nguyên đơn không chịu di dời đi. Hiện nay ông N đã được cha mẹ chia đất xong, còn lại 03 đồng nguyên đơn. Nay, yêu cầu công nhận phần đất tại các điểm 1, 4, 18, 19 có diện tích 42,7 m² theo bản vẽ hiện trạng ngày 09/8/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh A1 cho đồng nguyên đơn và yêu cầu bà L1 cùng con là ông A phải di dời nhà trả lại phần đất trên.

Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 cho rằng nguồn gốc đất của bà ngoại chồng cho mẹ chồng, sau đó mẹ chồng Huỳnh Thị T2 cho chồng tôi ông Huỳnh Văn S (ông S chết năm 2018). Phần đất này nằm phía trong đường có kích thước ngang 04m, dài 15m (phần đất này ông S có nộp thuế đất vào năm 1993). Ông Huỳnh Văn C là em ruột của bà T2, là cậu ruột của ông S. Cách đây khoảng 30 năm, ông C có thỏa thuận với ông S đổi phần đất phía trong đường để ra phần đất giáp với sông B đất bãi bồi để ở mục đích để ông C bán đất trả nợ. Khi đổi đất chỉ thỏa thuận miệng, không làm văn bản. Bà xác định ông S đổi đất với ông C, không phải ông S ở nhờ trên đất của ông C nên không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của đồng nguyên đơn. Vào năm 2003, địa phương cấp cho bà L1 và ông S căn nhà tình nghĩa, nhà cấp 04, nhà sàn, kích thước ngang khoảng 3,3m, dài khoảng 16m. Phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và chúng tôi đã cho nền đất cho con gái ở, do ông S bệnh nặng nên con gái bà đứng ra bán nền đất được cho này để lo bệnh cho ông S. Hiện nay bà L1 và ông An sinh S1 trên phần đất đã đổi với ông C. Bà không đồng ý theo yêu cầu của đồng nguyên đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Văn N trình bày: Ông N thống nhất với phần trình bày của ông Huỳnh Văn T. Nguồn gốc đất tranh chấp của ông Huỳnh Văn C. Cụ C đã chia đất cho xong nên phần đất tranh chấp này ông N không có ý kiến, do các em tới Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn T1 quyết định.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Trường A không đồng ý theo yêu cầu của đồng nguyên đơn.

Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ để giải quyết vụ án:

Theo Bản vẽ hiện trạng khu đất do Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh A1 lập ngày 09/8/2023 thể hiện: Các phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

+ Các điểm 1, 5, 14, 12 có tổng diện tích 343,7 m²: Là các góc ranh do phía ông T chỉ dẫn. Trong đó: Các điểm 4, 5, 17, 18 có diện tích 28,4 m²; Các điểm 17, 18, 13, 14 có diện tích 109,6 m²; Các điểm 1, 4, 18, 19 có diện tích 42,7 m² đây cũng là phần đất do phía bà L1 chỉ dẫn; Các điểm 18, 19, 12, 13 có diện tích 163,0 m² đây cũng là phần đất do phía bà L1 chỉ dẫn; Các điểm 2, 3, 11, 10 có diện tích 40,3 m² là các góc nhà gỗ.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/5/2023 thể hiện: Phần đất tranh chấp có kích thước ngang khoảng 4m, dài khoảng 17m nằm trong phần đất ngang khoảng 6,6m dài khoảng 70m phần đất này chưa được cấp giấy chứng nhận QSDĐ. Trên phần đất tranh chấp có căn nhà của bà L1 kích thước căn nhà ngang khoảng 4m, dài khoảng 17m. Kết cấu căn nhà là nhà sàn cấp 4 nóng đá, lát ván, khung gỗ sắt, mái tole trong căn nhà có nhà vệ sinh kích thước 1,6 x 2,07 (đúc tường). Trên căn nhà bà L1 còn có con tên Huỳnh Trường A.

Biên bản định giá tài sản ngày 26/5/2023 theo Nghị quyết 01/2022/NQ HĐND ngày 14/4/2023 của UBND tỉnh A đất thổ cư có giá 1.263.000

đồng/m². Theo Quyết định 70/2019/QĐ UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh A đất nông nghiệp có giá 110.000 đồng/m².

Công văn số 29/UBND-NC ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện A: Phần đất tại các điểm 1, 4, 18, 19 có diện tích 42,7 m² nếu đủ điều kiện theo quy định tại Điều 100, Điều 101 của Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai thì người sử dụng đất kê khai, đăng ký, lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Theo biên bản hòa giải ngày 22/4/2021 và thông báo kết quả hòa giải ngày 27/4/2021 của Ủy ban nhân dân thị trấn L: Về nguồn gốc đất là đất của ông Út C1. Ông S là chồng bà L1 trước thời điểm mà ông S cất nhà ở như hiện nay thì ông S là gia đình chính sách không có đất ở nên được Nhà nước xét cấp cất cho 01 căn nhà ở, tuy nhiên do ông S không có đất để cất nhà nên ông S cùng với ông Tư Q (tên thật là Nguyễn Trung H1) là cán bộ Thương binh xã hội ủy ban nhân dân xã K cùng đến gặp ông Út C1 để xin cất nhà trên nền đất của ông Út C1 và được ông Út C1 đồng ý cho cất nhà, việc ông Út C1 cho ông S cất nhà ở không có giấy tờ gì chứng minh là cho ông S cất nhà ở đậu hay cho đứt phần nền đất cho ông S.

Theo lời trình bày của ông Dương Phú V, ông Lương Công T3 thì nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Huỳnh Văn S2 là ông nội của các đồng nguyên đơn, sau đó ông S2 để lại cho con là ông Huỳnh Văn C, còn ông S là bà con do ông S là thương binh nên được nhà nước cấp cho căn nhà nhưng không có chỗ cất được cụ C cho vào sống trên phần đất.

* Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 580/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn T1.

Công nhận phần đất tại các điểm 1, 4, 18, 19 có diện tích 42,7 m² theo bản vẽ hiện trạng ngày 09/8/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh A1 của đồng nguyên đơn Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn T1.

Buộc bà Nguyễn Thị Lệ di D toàn bộ căn nhà, vật kiến trúc trả lại phần đất cho đồng nguyên đơn tại các điểm 2, 3, 11, 10 có diện tích 40,3 m² là các điểm của góc nhà gỗ theo bản vẽ hiện trạng ngày 09/8/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh A1 và theo biên bản biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện A (người con đang sinh sống trên đất ông Huỳnh Trường A cùng có trách nhiệm di dời nhà trả đất).

Cho thời hạn lưu cư của Nguyễn Thị L1, ông Huỳnh Trường A là 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phân chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 07/10/2024, ông Huỳnh Trường A có đơn kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận quyền sử dụng diện tích đất ông A đang ở (ngang 4, dài 16 tổng 64m²), thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Nguyễn Thị L1, không đồng ý di dời nhà trả lại đất cho các đồng nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Huỳnh Trường A vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng tại cấp phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và tuân thủ đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định về phiên tòa phúc thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần HĐXX, thư ký phiên tòa và thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt HĐXX), căn cứ khoản 1 Điều 308 của BLTTDS năm 2015, phúc xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Huỳnh Trường A, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 580/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh An Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục kháng cáo: Ông Huỳnh Trường A kháng cáo trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2]. Về nội dung kháng cáo: ông Huỳnh Trường A kháng cáo không đồng ý với quyết định của bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm công nhận quyền sử dụng diện tích đất ông A đang ở (ngang 4m, dài 16m, tổng 64m²), thuộc quyền sử dụng của gia đình bà Nguyễn Thị L1, không đồng ý di dời nhà trả lại đất cho các đồng nguyên đơn.

[3] Xem xét yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan HĐXX xét thấy:

Nguồn gốc phần đất tranh chấp diện tích chiều ngang 11m², chiều dài giáp sông B khoảng 230m² hiện vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất. Đồng nguyên đơn cho rằng đây là đất của cha mẹ là các cụ Huỳnh Văn C, sinh năm 1930 (chết 2017) và cụ Nguyễn Thị L2, sinh năm 1932 (chết 2006) để lại. Bị đơn cũng xác định nguồn gốc đất là của cụ C và cụ L2, tuy nhiên cho rằng đây là phần đất mà cụ C khi còn sống đổi với phần đất của chồng bị đơn là ông S (chết năm 2018).

Theo biên bản hòa giải ngày 22/4/2021 và thông báo kết quả hòa giải ngày 27/4/2021 của ủy ban nhân dân thị trấn L: Về nguồn gốc đất là đất của ông Út C1. Trước thời điểm ông S cất nhà ở như hiện nay thì ông S là gia đình chính sách không có đất ở nên được Nhà nước xét cấp cất cho 01 căn nhà ở, tuy nhiên do ông S không có đất để cất nhà nên ông S đến gặp ông Út C1 để xin cất nhà trên nền đất của ông Út C1 và được ông Út C1 đồng ý cho cất nhà, việc ông Út C1 cho ông S cất nhà ở không có giấy tờ gì chứng minh là cho ông S cất nhà ở đậu hay cho đứt phần nền đất cho ông S.

Theo lời trình bày của ông Dương Phú V, ông Lương Công T3 thì nguồn gốc phần đất tranh chấp là của ông Huỳnh Văn S2 là ông nội của nguyên đơn sau đó ông S2 để lại cho con là ông Huỳnh Văn C, còn ông S là bà con do ông S là thương binh nên được nhà nước cấp cho căn nhà nhưng không có chỗ cất được cụ C cho vào sống trên phần đất. Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 26/5/2023 thì phần đất còn lại sau lưng nhà bà L1 nguyên đơn đang trồng 02 hàng xoài, mỗi hàng 12 cây khoảng 04 năm tuổi mà theo đồng nguyên đơn trình bày là do gia đình đồng nguyên đơn trồng.

Bị đơn thừa nhận phần đất bà đang ở là phần đất mà cụ C đổi với chồng bị đơn là ông S nhưng chỉ là lời nói một phía của bị đơn không đưa ra được tài liệu, căn cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Mặt khác, theo Quyết định số 76/2007/QĐ-UBND ngày 10/01/2007 của ủy ban nhân dân huyện A về việc cấp nền nhà cho các hộ dân không có đất ở, đang gặp khó khăn về nền đất ở và đặt biệt ưu tiên xem xét cấp cho các gia đình chính sách theo đó hộ ông S và bà L1 được cấp 01 nền nhà tại Lô E, khu dân cư Á, thị trấn L và sự việc này cũng được các bên thừa nhận. Do đó, có căn cứ cho thấy hộ bà L1 và ông S do chưa có đất ở nên được Nhà nước hỗ trợ cấp nền nhà nên việc sống nhờ trên đất của cụ Chẳng L3 có thật. Từ những phân tích trên cho thấy đã có đủ chứng cứ để xác định phần đất đang tranh chấp là của cụ C và cụ L2 và hiện do các đồng thừa kế gồm các ông Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn L, ông Huỳnh Văn T1, ông Huỳnh Văn N thừa hưởng và cụ C đã cho ông S ở nhờ trên phần đất này như nội dung vụ án nên việc đồng nguyên đơn yêu cầu di dời nhà trả lại đất là có căn cứ.

Theo Công văn số 29/UBND-NC ngày 09/01/2024 của Ủy ban nhân dân huyện A: Phần đất tại các điểm 17, 18, 13, 14 có diện tích 109,6 m² là phần đất bãi bồi nên không đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Phần đất tại các điểm 1, 4, 18, 19 có diện tích 42,7 m² nếu đủ điều kiện theo quy định tại Điều 100, Điều 101 của Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/05/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính Phủ

sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai thì người sử dụng đất kê khai, đăng ký, lập thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đồng nguyên đơn yêu cầu bà L1 cùng con bà L1 là ông A phải di dời nhà trả lại nền đất có diện tích 40,3 m² là các điểm của góc nhà gỗ trên phần đất thuộc các điểm 1, 4, 18, 19 có diện tích 42,7 m² nằm trong bản vẽ hiện trạng ngày 09/8/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh A1 nên có căn cứ chấp nhận.

Từ những căn cứ trên, Hội đồng xét xử nhận thấy chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, công nhận quyền sử dụng đất cho nguyên đơn, buộc bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan di dời nhà trả lại đất cho nguyên đơn tại các điểm 2, 3, 11, 10 có diện tích 40,3 m² là các điểm của góc nhà gỗ trên phần đất thuộc các điểm 1, 4, 18, 19 có diện tích 42,7 m² theo bản vẽ hiện trạng ngày 09/8/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh A1.

Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Trường A, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Đối với quan điểm của Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Trường A, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 580/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện An Phú, quan điểm của Viện kiểm sát hoàn toàn phù hợp với các nhận định trên, nên được Hội đồng xét chấp nhận.

[4]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Huỳnh Trường A không được chấp nhận, nên ông phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

- Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Trường A.
- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 580/2024/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố An Phú, tỉnh An Giang như sau:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các đồng nguyên đơn Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn T1.

Công nhận phần đất tại các điểm 1, 4, 18, 19 có diện tích 42,7 m² theo bản vẽ hiện trạng ngày 09/8/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh A1 của đồng nguyên đơn Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn T1.

Buộc bà Nguyễn Thị Lệ di dời toàn bộ căn nhà, vật kiến trúc trả lại phần đất cho đồng nguyên đơn tại các điểm 2, 3, 11, 10 có diện tích 40,3 m² là các điểm của góc nhà gỗ theo bản vẽ hiện trạng ngày 09/8/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh A1 và theo biên bản biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày

26/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện A (người con đang sinh sống trên đất ông Huỳnh Trường A cùng có trách nhiệm di dời nhà trả đất).

Cho thời hạn lưu cư của Nguyễn Thị L1, ông Huỳnh Trường A là 06 (sáu) tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị L1 phải chịu chi phí đo đạc theo hợp đồng dịch vụ đo đạc theo hóa đơn giá trị gia tăng là 2.202.552 đồng ngày 21/8/2023 của Văn phòng Đ chi nhánh A1 và biên nhận tạm ứng ngày 26/5/2023 của Tòa án 1.500.000 đồng.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị L1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng. Hoàn lại 900.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho các đồng nguyên đơn Huỳnh Văn T, Huỳnh Văn L, Huỳnh Văn T1 Lệ theo biên lai thu số 0008013 ngày 30/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Huỳnh Trường A phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ theo biên lai thu số 0010015 ngày **07/10/2024** nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

(Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự).

Những phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang;
- TAND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Dương sự;
- Tòa Dân sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Tấn Tài